



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/07/2016.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2020: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 024.38256547 - 39717189
- Fax: (84) 024.39717189
- Website: <http://www.hevobco.com.vn>
- Email: info@hevobco.com.vn – Admin.hevobooks.com

Ngành nghề kinh doanh

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 26 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Phạm Quỳnh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 02/07/2020 |
| • Bà Mai Nhị Hà | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24/05/2019 |
| | | Miễn nhiệm ngày 25/06/2020 |
| • Ông Phạm Gia Trí | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/01/2018 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/01/2018 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|-----------------------|---------|--------------------------|
| • Ông Trần Trọng Tiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/01/2018 |
| • Ông Đặng Văn Tuyền | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/01/2018 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Trần Công Thanh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 24/05/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Vân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/01/2018 |
| • Ông Trần Đình Hoàng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 24/05/2019 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Gia Trí | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31/01/2018 |
| • Ông Trần Trọng Tiến | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 31/01/2018 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 371/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 23/03/2021 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 23 tháng 03 năm 2021

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2019-010-1

■ Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

Trang 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.326.082.791	20.229.628.554
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.532.910.988	2.127.372.907
1. Tiền	111	5	6.532.910.988	2.127.372.907
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	6.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	5.000.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.919.201.687	6.057.173.994
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.030.070.190	5.910.948.728
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	83.864.900	328.930.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	109.480.478	138.734.247
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(304.213.881)	(321.439.481)
IV. Hàng tồn kho	140	11	5.776.172.048	5.572.439.953
1. Hàng tồn kho	141		6.835.480.185	6.543.968.210
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.059.308.137)	(971.528.257)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.798.068	472.641.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	68.240.000	472.641.700
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	29.558.068	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		266.693.940	1.227.639.947
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		65.072.000	75.072.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	65.072.000	75.072.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	-	-
- Nguyên giá	222		106.350.000	1.009.219.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.350.000)	(1.009.219.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	757.887.929
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(242.112.071)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		201.621.940	394.680.018
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	201.621.940	394.680.018
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		22.592.776.731	21.457.268.501

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.789.684.050	5.823.474.547
I. Nợ ngắn hạn	310		6.789.684.050	5.823.474.547
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	5.633.207.781	4.964.517.803
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	86.482.180	605.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	98.705.401	163.167.758
4. Phải trả người lao động	314		455.422.202	232.108.957
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	46.226.375	128.311.269
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		469.640.111	334.763.560
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.803.092.681	15.633.793.954
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.803.092.681	15.633.793.954
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	962.203.411	962.203.411
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	2.950.889.270	2.781.590.543
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.481.590.543	1.309.082.253
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.469.298.727	1.472.508.290
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		22.592.776.731	21.457.268.501



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Lê Quang Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	34.360.932.578	39.166.215.584
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	24.774.230	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		34.336.158.348	39.166.215.584
4. Giá vốn hàng bán	11	22	24.683.780.206	27.682.842.970
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>9.652.378.142</u>	<u>11.483.372.614</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	173.528.430	216.192.514
7. Chi phí tài chính	22	24	(242.112.071)	147.308.447
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	14.589.041
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	2.253.952.950	3.103.417.665
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	5.838.846.294	5.988.861.995
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>1.975.219.399</u>	<u>2.459.977.021</u>
11. Thu nhập khác	31	26	429.764.048	65.066.702
12. Chi phí khác	32	27	85.242.788	18.902.049
13. Lợi nhuận khác	40		<u>344.521.260</u>	<u>46.164.653</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>2.319.740.659</u>	<u>2.506.141.674</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	350.441.932	533.633.384
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>1.969.298.727</u>	<u>1.972.508.290</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.469	1.473
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	1.469	1.473



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

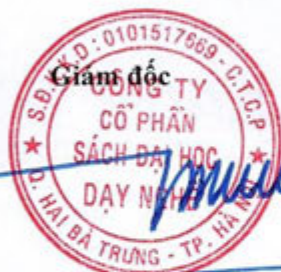
Người lập biểu

Lê Quang Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		35.277.898.810	37.000.721.264
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(26.831.715.876)	(32.612.449.957)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.036.903.000)	(3.710.830.300)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(14.589.041)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(473.488.986)	(534.721.365)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		857.356.987	395.285.657
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.654.878.010)	(834.229.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.138.269.925	(310.813.143)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	26	340.000.000	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(5.000.000.000)	(6.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	6.000.000.000	5.000.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,23	227.268.156	144.873.950
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.567.268.156	(855.126.050)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(2.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19	(1.300.000.000)	(1.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.300.000.000)	(1.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.405.538.081	(2.265.939.193)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	2.127.372.907	4.393.312.100
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	6.532.910.988	2.127.372.907



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Lê Quang Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/07/2016.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục; buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí công in, nhuận bút, phí quản lý xuất bản, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên chi phí công in.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Hiện nay, toàn bộ các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được khấu hao hết.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Phí quản lý xuất bản, phí đấu thầu bản thảo trả trước cho các loại sách được phân bổ căn cứ vào số lượng sách in nhập kho;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.9 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm.

4.11 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.12 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại hàng hóa, dịch vụ khác áp dụng mức thuế suất 10%.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ do có tổng doanh thu không vượt quá 200 tỷ đồng.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	165.546.345	288.532.537
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.367.364.643	1.838.840.370
Cộng	6.532.910.988	2.127.372.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000

Tại thời điểm 31/12/2020, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần In và Vật tư Hải Dương	1.768.745.550	1.783.998.150
Công ty CP Văn hóa Hà Nội	1.318.922.000	1.502.105.220
Các đối tượng khác	1.942.402.640	2.624.845.358
Cộng	5.030.070.190	5.910.948.728

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Nhà xuất bản Giáo dục tại Tp.Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	313.500.000	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	100.000.000	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	372.263.350	-
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	94.728.593	213.145.518
Cộng		880.491.943	213.145.518

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Ông Đỗ Trọng Lực	50.000.000	-
Cambridge University Press (Holdings) Limited - CUP	18.864.900	-
Công ty TNHH Tư vấn VNI	15.000.000	-
Các đối tượng khác	-	328.930.500
Cộng	83.864.900	328.930.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	13.500.000	-	8.200.000	-
Lãi dự thu	76.794.521	-	130.534.247	-
Phải thu khác	19.185.957	-	-	-
Cộng	109.480.478	-	138.734.247	-

b. Dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	65.072.000	-	75.072.000	-
Cộng	65.072.000	-	75.072.000	-

10. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	304.213.881	321.439.481
- Từ 3 năm trở lên	271.189.481	261.189.481
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	23.024.400	7.000.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	10.000.000	47.250.000
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	6.000.000
Cộng	304.213.881	321.439.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	31/12/2020			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cáo Thơm	50.234.301	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	228.400.846	19.867.600	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	324.081.481	19.867.600		

	01/01/2020			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cáo Thơm	50.234.301	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn	45.446.334	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	282.520.846	56.762.000	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	378.201.481	56.762.000		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào nợ gốc trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

11. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	114.120.207	-	90.600.138	-
Thành phẩm	6.670.537.585	(1.059.308.137)	6.076.044.035	(971.528.257)
Hàng hóa	50.822.393	-	377.324.037	-
Cộng	6.835.480.185	(1.059.308.137)	6.543.968.210	(971.528.257)

- Giá trị các loại sách thành phẩm chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2020 là 2.811.765.327 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch tìm kiếm khách hàng, tăng tỷ lệ chiết khấu để tiêu thụ các loại sách này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Phí quản lý xuất bản	68.240.000	439.567.200
Chi phí thuê cửa hàng	-	33.074.500
Cộng	68.240.000	472.641.700

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Phí đấu thầu bán thảo	86.528.500	113.427.778
Chi phí mua bản quyền ấn phẩm	115.093.440	182.232.240
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	99.020.000
Cộng	201.621.940	394.680.018

13. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình của Công ty là phương tiện vận tải có nguyên giá 106.350.000 đồng, đã khấu hao hết.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Sản xuất và Thương mại P.P	3.009.342.050	2.106.826.810
Công ty Cổ phần In Phúc Yên	1.022.231.170	585.224.942
Các đối tượng khác	1.601.634.561	2.272.466.051
Cộng	5.633.207.781	4.964.517.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	140.426.075	479.090.200
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	163.419.000	172.970.000
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	Chung Công ty đầu tư	138.220.000	-
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	82.724.240	850.000.000
Cộng		524.789.315	1.502.060.200

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Hiệu sách Hoàng Hương	77.944.680	-
Các đối tượng khác	8.537.500	605.200
Cộng	86.482.180	605.200

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Dư Nợ	Dư Có			Dư Nợ	Dư Có
Thuế giá trị gia tăng	-	11.972.742	201.813.633	186.951.484	-	26.834.891
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	93.488.986	350.441.932	473.488.986	29.558.068	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	57.706.030	224.979.737	210.815.257	-	71.870.510
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	163.167.758	780.235.302	874.255.727	29.558.068	98.705.401

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	46.226.375	33.267.235
Phải trả khác	-	95.044.034
Cộng	46.226.375	128.311.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.409.082.253	15.261.285.664
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.972.508.290	1.972.508.290
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Số dư tại 31/12/2019	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.781.590.543	15.633.793.954
Số dư tại 01/01/2020	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.781.590.543	15.633.793.954
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.969.298.727	1.969.298.727
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
Số dư tại 31/12/2020	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.950.889.270	15.803.092.681

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2020	Năm 2019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.300.000.000	1.100.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	2.781.590.543	2.409.082.253
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.969.298.727	1.972.508.290
Phân phối lợi nhuận	1.800.000.000	1.600.000.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (Chia cổ tức) (*)	1.300.000.000	1.100.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành) (**)	500.000.000	500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	2.950.889.270	2.781.590.543

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2019 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 171/ĐH&DN ngày 25/06/2020.

(**) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2020 để sử dụng cho công tác khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 56/NQ-HDQT ngày 23/03/2021

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 25/06/2020 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ 13%/vốn điều lệ, tương ứng 1.300.000.000 đồng. Theo đó, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2020.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.294	Khách hàng đã phá sản

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán sách các loại	27.329.450.767	34.152.735.578
Doanh thu khác	7.031.481.811	5.013.480.006
Cộng	34.360.932.578	39.166.215.584

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Hàng bán bị trả lại	24.774.230	-
Cộng	24.774.230	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn sách các loại	18.226.051.063	22.985.615.796
Giá vốn khác	6.369.949.263	4.729.933.833
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	87.779.880	(32.706.659)
Cộng	24.683.780.206	27.682.842.970

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	173.528.430	215.852.641
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	339.873
Cộng	173.528.430	216.192.514

24. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(242.112.071)	132.719.406
Chi phí lãi vay	-	14.589.041
Cộng	(242.112.071)	147.308.447

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân công	1.168.685.240	959.908.581
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng tiêu thụ	362.118.862	688.841.491
Chi phí thuê kho, thuê cửa hàng	526.600.000	703.062.000
Các khoản khác	196.548.848	751.605.593
Cộng	2.253.952.950	3.103.417.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân công	4.012.507.451	3.795.565.474
Chi phí thuê nhà	396.894.000	396.894.000
Các khoản khác	1.429.444.843	1.796.402.521
Cộng	5.838.846.294	5.988.861.995

26. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	340.000.000	-
Xử lý kiểm kê	15.416.850	12.340.000
Các khoản khác	74.347.198	52.726.702
Cộng	429.764.048	65.066.702

27. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Xử lý kiểm kê	12.710.689	18.064.797
Các khoản khác	72.532.099	837.252
Cộng	85.242.788	18.902.049

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.319.740.659	2.506.141.674
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	183.416.000	162.025.245
- Điều chỉnh tăng	183.416.000	162.025.245
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	139.966.000	112.025.245
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	43.450.000	50.000.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.503.156.659	2.668.166.919
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	350.441.932	533.633.384
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	500.631.332	533.633.384
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Nghị định 114/2020	150.189.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.969.298.727	1.972.508.290
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(500.000.000)	(500.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	500.000.000	500.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.469.298.727	1.472.508.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.469	1.473

30. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	123.905.257	-
Chi phí nhân công	5.144.338.022	4.755.474.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.637.363.756	21.656.867.107
Chi phí khác bằng tiền	1.184.477.595	942.109.847
Cộng	28.090.084.630	27.354.451.009

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Báo cáo bộ phận theo nhóm sản phẩm	Sách Đại học dạy nghề và xuất bản phẩm		Tem công nghệ 4.0		Hàng hóa khác		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu nhóm sản phẩm	25.368.726.649	29.311.284.140	3.141.580.270	2.026.113.306	5.825.851.429	7.828.818.138	34.336.158.348	39.166.215.584
Giá vốn bán hàng nhóm sản phẩm	16.845.371.442	19.376.308.042	2.627.974.674	1.814.636.733	5.210.434.090	6.491.898.195	24.683.780.206	27.682.842.970
Lợi nhuận gộp nhóm sản phẩm	8.523.355.207	9.934.976.098	513.605.596	211.476.573	615.417.339	1.336.919.943	9.652.378.142	11.483.372.614
Các khoản không phân bổ								
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	2.253.952.950	3.103.417.665
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	5.838.846.294	5.988.861.995
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	-	-	173.528.430	216.192.514
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(242.112.071)	147.308.447
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	1.975.219.399	2.459.977.021
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	429.764.048	65.066.702
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	85.242.788	18.902.049
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	344.521.260	46.164.653
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	2.319.740.659	2.506.141.674
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	350.441.932	533.633.384
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	1.969.298.727	1.972.508.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ và các khoản vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND		
<u>31/12/2020</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	5.633.207.781	-	5.633.207.781
Cộng	<u>5.633.207.781</u>	<u>-</u>	<u>5.633.207.781</u>
<u>01/01/2020</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	4.964.517.803	-	4.964.517.803
Phải trả khác	95.044.034	-	95.044.034
Cộng	<u>5.059.561.837</u>	<u>-</u>	<u>5.059.561.837</u>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

	Đơn vị tính: VND		
<u>31/12/2020</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.532.910.988	-	6.532.910.988
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.725.856.309	-	4.725.856.309
Phải thu khác	109.480.478	65.072.000	174.552.478
Cộng	<u>16.368.247.775</u>	<u>65.072.000</u>	<u>16.433.319.775</u>
<u>01/01/2020</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.127.372.907	-	2.127.372.907
Đầu tư tài chính	-	757.887.929	757.887.929
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Phải thu khách hàng	5.589.509.247	-	5.589.509.247
Phải thu khác	138.734.247	75.072.000	213.806.247
Cộng	<u>13.855.616.401</u>	<u>832.959.929</u>	<u>14.688.576.330</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Bán hàng			
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách ĐH-DN	3.021.555.240	3.375.761.340
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Cung ứng sách ĐH-DN	1.556.216.920	1.707.537.890
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Cung ứng sách ĐH-DN	3.617.037.580	3.757.856.040
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Cung ứng sách ĐH-DN	1.436.584.940	1.453.064.300
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách ĐH-DN	8.273.858.907	8.989.641.428
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem Công nghệ 4.0	1.285.825.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Tp.Hồ Chí Minh	Bán tem Công nghệ 4.0	1.187.500.000	-
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phí quản lý xuất bản	893.895.075	1.729.535.790
	Tem chống giả	72.600.000	130.680.000
Công ty CP Phát hành sách Giáo dục	Tiền in sách ĐH-DN	1.054.494.000	-
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Mua sách các loại	91.674.240	204.273.360
Công ty CP Mỹ thuật Truyền thông	Mua sách các loại	120.267.000	300.562.500

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lương Ban Giám đốc	1.195.326.650	1.064.900.009
Thù lao Hội đồng quản trị	208.776.659	200.491.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.



Phạm Gia Trí

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Lê Quang Dũng